TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày: 03 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc.

2. Bà Dương Thị Vui.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với:

* *Bị cáo:* Trần Quang V - Sinh năm 2003 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm C Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn T, sinh năm 1979 và bà Lê Thị N, sinh năm 1983; hiện cả hai đang ở Xóm C Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo Trần Quang V đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/3/2025 đến ngày 16/3/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực H, Công an tỉnh N; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang V là Ông Lê Hữu L, Luật sư Công ty L2 – Đoàn luật sư H2; có mặt.

* Bị hại:

1. Anh Trần Văn Đ – Sinh năm: 1985;

Chị Trần Thị M – Sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Thị M là anh Trần Văn Đ, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn T1 – Sinh năm: 1964;

Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1967;

Nơi cư trú: Xóm D N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị H là ông Trần Văn T1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm D N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1959; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 05/3/2025, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Quang V nảy sinh ý định mượn xe của ông Trần Văn T1, sinh năm 1964, ở xóm D N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là bác họ của V) để đi cầm cố. Khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, V đi bộ từ nhà bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956, ở xóm C Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là bà nội của V) đến nhà ông T1. Trên đường đi, V vào nhà ông Trần Văn H1, sinh năm 1965, ở xóm C Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu biển số 14F5-5068 để đi. Đến nơi, V gặp ông T1 và vợ là bà Phạm Thị P, sinh năm 1959 ở nhà, V nói: "Xe cháu bị hỏng, cháu đi lắp đặt điện lạnh cho cậu, bác cho cháu mượn xe đến chiều cháu trả". Ông T1 đồng ý và cho V mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu vàng đồng, biển số 18L1-383.33. V gửi lại xe mô tô biển số 14F5-5068 cùng chìa khóa ở sân nhà ông T1 rồi dắt xe mô tô đã mượn đi ra cổng. Khi ra đến cổng, V hỏi mượn thêm giấy tờ xe, mục đích để mang đi cầm cố cho dễ, ông T1 đồng ý và đưa giấy đăng ký xe cho V. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ Tuấn B1, ở tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định, cầm cố cho ông Phạm Văn B, sinh năm 1975 là chủ lấy 10.000.000 đồng và đi đến quán I ở thị trấn Q để chơi game. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, V quay lại nhà ông Trần Văn T1. Lúc này, cổng nhà ông T1 mở nhưng không có ai ở nhà nên V lấy xe mô tô biển số 14F5-5068 đã gửi, mục đích để tiếp tục đi mượn xe mang đi cầm cố. V đi đến nhà ông Trần Văn Đ, sinh năm 1985, ở xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là bạn của bố V). Đến nơi, V gặp ông Đ và vợ là bà Trần Thị M, sinh năm 1991, V nói: "Chú cho cháu mượn xe, xe cháu bị hỏng, cháu về lấy đồ đến tối cháu trả". Ông Đ đồng ý và cho V mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xám đỏ, biển số 18L1-313.57. Sau khi mượn được xe, V gửi lại xe mô tô biển số 14F5-5068 ở nhà ông Đ rồi điều khiển xe đã mượn đến cửa hàng cấm đồ T cầm cố lấy 3.000.000 đồng. Số tiền cầm cố 02 xe mô tô, V đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 07/3/2025, Trần Quang

V đã đến Công an xã N đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngày 06/3/2025, ông Trần Văn T1 và ông Trần Văn Đ đã có đơn trình báo Công an xã N; ông Trần Văn Đ đã tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 14F5-5068 mà V đã gửi lại nhà ông Đ để điều tra, xử lý.

Tại bản kết luận số 03/HĐ-ĐGTS ngày 11/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Giá trị hiện tại của 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 18L1-313.57, màu đen xám đỏ, đã qua sử dụng là 4.000.000 đồng; Giá trị hiện tại của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu vàng đồng, biển số 18L1-383.33, đã qua sử dụng là 12.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 16.000.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Trần Quang V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 05/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Quang V từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang V là ông Lê Hữu L trình bày:

Nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã nhân thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân để mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo đã đã tác động gia đình trả lại cho ông Phạm Văn B là chủ cửa hàng cầm đồ T số tiền 13.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội mức tối đa khung hình phạt tù giam đến 3 năm căn cứ theo khoản 1 Điều 9 BLHS đây là trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Công an xã N đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội. Mặt khác, những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có ông nội, ông ngoại tham gia quân đội được tặng thưởng huân huy chương. Vậy đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,i và s

Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo quy định tại và Điều 54 BLHS.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Trần Quang V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai: Đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B vắng mặt có lời khai; Đã nhận lại số tiền mà anh bỏ ra để cầm xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Cùng ngày 05/3/2025, Trần Quang V đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu vàng đồng, biển số 18L1-383.33 của ông Trần Văn T1, có giá trị 12.000.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xám đỏ, biển số 18L1-313.57 của ông Trần Văn Đ, có giá trị 4.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Quang V đã chiếm đoạt là 16.000.000 đồng.

Như vậy hành vi mà bị cáo đã thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét đề nghị của Luật sư yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS. Đại diện Viện kiểm sát đã có tranh luận và quan điểm rõ ràng vì vậy không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

[4.1] Về nhân thân; Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo V mượn xe để đi chiếm đoạt tài sản của ông T1 và ông Đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 2 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và và tại phiên tòa bị cáo Trần Quang V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã đã tác động gia đình trả lại cho ông Phạm Văn B là chủ cửa hàng cầm đồ số tiền 13.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Công an xã N đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có ông nội, ông ngoại tham gia quân đội được tặng thưởng huân huy chương, nên bị cáo Trần Quang V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về mức án đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do cần tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác chỉ trong một ngày bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Việc làm của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc. Hành vi của bị cáo đã gây nên dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn sống phụ thuộc vào gia đình, nên không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xám đỏ, biển số 18L1-313.57; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu vàng đồng, biển số 18L1-383.33 cùng giấy đăng ký xe, là tài sản V đã chiếm đoạt của ông Trần Văn Đ và ông Trần Văn T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 14F5-5068, qua điều tra xác định là xe của ông Trần Văn H1, sinh năm 1965, ở xóm C Phú

Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cho V mượn, ông H1 không biết việc V mượn xe để đi chiếm đoạt tài sản của ông T1 và ông Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho ông Trần Văn H1 là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc bị cáo Trần Quang V tác động gia đình trả lại cho ông Phạm Văn B là chủ cửa hàng cấm đồ Tuấn B1 số tiền 13.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Các bị hại và ông Phạm Văn B không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Đối với Phạm Văn B đã nhận cầm cố 02 xe mô tô cho Trần Quang V nhưng không biết đó là tài sản do V phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự và đề nghị UBND huyện xử lý hành chính về hành vi "cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố và cầm cố tài sản không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp" là phù hợp.

[10] Bị cáo Trần Quang V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 135,136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quang V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2025.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Quang V phải nộp 200.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhân được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Hải;
- Cơ quan Thi hành án;
- Án văn, lưu hồ sơ.

Trần Trọng Ích